

Bản án số: 191/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2024
Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
Bà Hà Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 385/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Kim A, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Danh C, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Kim A trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị và anh Danh C tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức

lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2012 ngày 27/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về sinh sống tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến đầu năm 2023 giữa chị và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng cảm thấy ngột ngạt, không thể hòa thuận, nên chị và anh C không còn sinh hoạt vợ chồng với nhau nữa. Vì các lý do trên, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Danh C.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh C có ba người con chung tên Danh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/3/2013; Danh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2016 và Danh Thị Mỹ D, sinh ngày 14/6/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Danh Thị Mỹ D, sinh ngày 14/6/2000 đến tuổi trưởng thành. Chị đồng ý giao hai con tên Danh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/3/2013; Danh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2016 cho anh C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Kim A xác nhận quá trình chung sống giữa chị và anh C không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hoàng A1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho người nhận là cha của anh C là ông Danh X, ông X cam kết sẽ chuyển thông tin đến anh C, nhưng anh C đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện chị Thị Kim A yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Danh C. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Danh C có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Thị Kim A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Danh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Kim A và anh C tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyền số 01/2012 ngày 27/02/2012. Như vậy, hôn nhân giữa chị Kim A với anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Kim A về việc xin ly hôn với anh C thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị Kim A và anh C có phát sinh mâu thuẫn, mà theo chị Kim A cho rằng do chị và anh C bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng cảm thấy ngột ngạt, không thể hòa thuận, nên chị và anh C không còn sinh hoạt vợ chồng với nhau nữa. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Kim A bỏ qua mọi chuyện, cho anh C thêm cơ hội để đoàn tụ gia đình, cùng nuôi dạy con cái, nhưng chị Kim A vẫn kiên quyết ly hôn với anh C. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C thông qua người nhận là cha của anh C là ông Danh X nhiều lần, ông X cam kết sẽ chuyển thông tin đến anh C, nhưng anh C vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh C cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Kim A.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa chị Kim A với anh C đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Kim A yêu cầu được ly hôn với anh C là có cơ sở.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Kim A được ly hôn với anh C.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị Kim A và anh C có ba người con chung tên Danh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/3/2013; Danh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2016 và Danh Thị Mỹ D, sinh ngày 14/6/2020. Khi ly hôn, chị Kim A yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Danh Thị Mỹ D đến tuổi trưởng thành. Chị đồng ý giao hai con tên Danh Thị Mỹ H và Danh Hoàng K cho anh C được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX xét thấy, hoàn cảnh kinh tế của chị Kim A và anh C đều khó khăn, nếu trường hợp giao ba cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo về điều kiện sinh sống. Chị Kim A yêu cầu được nuôi cháu Mỹ D là bé gái mới hơn 04 tuổi và là cháu nhỏ nhất trong gia đình, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, nên yêu cầu này của chị Kim A là thỏa đáng. Còn cháu Mỹ H và Hoàng K là hai cháu lớn, hiện nay có thể chăm sóc bản thân và phụ giúp việc lặt vặt ở gia đình, nên chị Kim A đồng ý giao cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Kim A.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Kim A xác nhận giữa chị và anh C không tài sản chung và nợ chung, nên chị Kim A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX không giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Kim A được ly hôn với anh Danh C.
2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu tên Danh Thị Mỹ D, sinh ngày 14/6/2020 cho chị Thị Kim A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Giao cháu tên Danh Thị Mỹ H, sinh ngày 08/3/2013 và Danh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2016 cho anh D1 C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Thị Kim A, anh Danh C nuôi con; chị Kim A, anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Kim A xác định giữa chị và anh Danh C không tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị Kim A phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Kim A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009605 ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Thị Kim A không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Lâm,
Hòn Đất, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh Huy

